

**Hiện tượng chuyển dụng chữ Nôm  
trong các văn bản Nôm**

**Giáo sư Tiến sĩ Khoa học Nguyễn Quang Hồng**  
Viện Nghiên cứu Hán Nôm

**Hội nghị Quốc tế về chữ Nôm**  
Ngày 12-13 tháng 11 năm 2004  
Thư viện Quốc gia Việt Nam – Hà Nội

**Tiểu dẫn**

1. Chữ Nôm giả tá chữ Nôm
  - 1.1. Mượn thẳng nguyên dạng
  - 1.2. Mượn với ký hiệu phụ
2. Chữ Nôm có tạo tổ là chữ Nôm
  - 2.1. Ghép với một bộ thủ
  - 2.2. Ghép với một chữ Hán

**Tiểu kết**

**Tiểu dẫn**

Các nhà nghiên cứu về chữ Nôm thường xuất phát từ chữ Hán để giải thích các chủng loại chữ Nôm, bởi vì chữ Hán chính là “nguyên liệu” mà ông cha ta vay mượn để từ đó tạo nên các đơn vị chữ Nôm cụ thể. Có thể thấy rằng với hầu hết các trường hợp thì cách phân tích như vậy là hoàn toàn thoả đáng. Tuy nhiên, trong thực tế tạo chữ và dùng chữ trên nhiều văn bản Nôm, chúng ta thấy có hiện tượng một chữ Nôm có sẵn nào đó có thể là lâm thời được mượn dùng cho một tiếng Nôm đồng âm hay gần âm, hoặc dựa trên một chữ Nôm có trước mà tạo thêm một vài chữ Nôm nữa, bằng cách này hay cách khác. Đó là hiện tượng mà chúng tôi tạm gọi là chuyển dụng chữ Nôm, hay nói cách khác là hiện tượng từ chữ Nôm dẫn đến chữ Nôm. Bài này nhằm nêu lên và phân tích một số trường hợp cụ thể như vậy.

## 1. Chữ Nôm giả tá chữ Nôm

Cũng như đối với chữ Hán, một chữ Nôm đã có trước có thể được mượn dùng lại theo những cách thức khác nhau. Có 2 cách thức chủ yếu: Một là mượn thẳng nguyên dạng chữ Nôm đã có. Hai là dùng thêm ký hiệu phụ vào hình thể chữ Nôm đã có trước.

**1.1. Mượn thẳng nguyên dạng chữ Nôm đã có.** Phần lớn các trường hợp chuyển dụng này đều dựa trên cơ sở âm đọc của chữ là đồng nhất, tuy cũng có khi âm đọc “chệch” đi một ít. Nhưng nghĩa chữ thì hoàn toàn khác nhau. Thí dụ:

(1) Chữ Nôm *Non* 嫩 gồm bộ “son” 山 biểu ý + chữ “nộn” 嫩 biểu âm, vốn được tạo ra để ghi tiếng *Non* có nghĩa là ‘núi’ (“hòn **non** Thái”, “**non** nước”...), được mượn dùng để ghi *Non* với những nghĩa khác hẳn, như trong các trường hợp sau: “*Cỏ pha mùi áo nhuộm non da trời*” (Kiều, trang 3b), “*Kéo còn bắt những hầu non*” (Nhị, 33b), “*Lơ thơ gốc cối cành non*” (Hoa, 32a), “*Như con bò gầy gập bãi cỏ non*” (Quốc, 19a), “*Trăng chửa già, núi vẫn còn non*”, (N. Khuyến, 19b), “*Em còn non nốt nắng sừng phong hàn*” (Vi, 25b), hoặc như trong từ tượng thanh nỉ non: “*Hoàng oanh mấy tiếng nỉ non bên đường*” (P.Thái, 18a), “*Gánh gạo đưa chồng, tiếng khóc nỉ non*” (Quốc, 36a). Chữ này có khi còn được dùng để đọc là *nón* như: “*Nhuộc lạp: nón đội trên đầu*” (Ngọc, 41b), “*Bảo cái: nón phướn tốt tươi ruộm rả*” (Ngọc, 50b).

(2) Chữ *Tất* 熄 gồm bộ “hoả” 火 biểu ý + chữ “tức” 息 biểu âm, dùng để ghi tiếng *Tất* trong “*lửa tất*”, “*tất đèn*”, được mượn để ghi *Tất* trong “*đi tất*”, “*ngõ tất*”: “*Đường ngang ngõ tất chẳng gần ai đi*” (Ca, 29a).

(3) Chữ *Tám* 熄 gồm bộ “phiến” 片 biểu ý + chữ “tam” 參 biểu âm, có nghĩa là “mảnh, miếng mỏng” đã được mượn để ghi *Tám* với nghĩa số lượng: “*Tám bậc lòng xưa nhẹ nửa tám*” (Hồng, 41b).

(4) Chữ *Trèo* 踔 có nghĩa “leo trèo” gồm bộ “túc” 足 biểu ý + chữ “triều” 朝 biểu âm, thì được mượn dùng cho *Chèo* trong “*hát chèo*”: “*Thằng bé lom khom ghé hát Chèo*” (Vi, 1b).

(5) Chữ *Tôm* 魷 (trong “*cá tôm*”) gồm bộ “ngư” 魚 biểu ý + chữ “tâm” 心 biểu âm đã được mượn dùng cho chữ *Tâm* (trong “*tâm hấp*”: đáng nặng nề chồm tới): “*Bà quan tâm hấp xem bi chi*” (Vi, 1a).

(6) Chữ *Răng* 齧 (gồm bộ (chữ) “xỉ” 齒 biểu ý + chữ “lăng” 菱 biểu âm, được dùng cho chữ *Trăng*/*Giăng* trong từ “*Trời trắng/Giối giăng*”: “*Vả xem những tiếng trời trắng*” (Nhị, 57a).

(7) Chữ *Năm* 𠂔 (chỉ số lượng: 5) gồm chữ “nam” 南 biểu âm + chữ “ngũ” 五 biểu ý, đôi khi bị dùng tạm cho chữ đồng âm *Năm* (“*năm tháng*”): “*Nhị nguyệt vừa năm Mậu Dần*” (Thiên, 13a), “*Trăm năm xin trọn lời thề nước non*” (Dung, 5), “*Nước bốn nghìn năm hôn chửa tỉnh*” (Vi, 10b), “*Ba năm một hội thi cơm rượu*” (Vi, 10b).

(8) Chữ *Vả* 𠂔 gồm chữ “vĩ” 尾 biểu âm + chữ “thả” 且 biểu ý (*vả lại*, *vả còn*) được mượn dùng cho nhiều chữ đồng âm khác nhau: “*Có ăn vát vả đã cam*” (Ca, 14b), “*Hai chữ công danh biếng vả vè [mong đợi]*” (N.Trãi, 52a), “*Trẻ từng vả [mong nhờ] đáng khoa danh*” (Ngọc, 1a), “*Vô hoa quả là quả vả*” (Nhật, 30a). Lại còn mượn để dùng cho chữ gần âm trong *vội vả*: “*Tiểu đồng vội vả ra đi*” (Lục, 46).

(9) Chữ *Dày* 𦵑 (trái nghĩa với “mỏng”) gồm chữ “đài” 苔 biểu âm + chữ “hậu” 厚 (có nghĩa là “dày”, không mỏng), đã được tạm dùng cho chữ đồng âm *Giày* (trong “**giày** giúp mang ở chân”): “*Chồng khôn vợ được đi **giày***” (Ca, 19b). Lại còn mượn dùng cho chữ gần âm *Đầy* (“**đủ đầy**”): “*Com nguội **đầy** rá, cá kho **đầy** nôi*” (Ca, 4a).

(10) Chữ *Gặp* 𨔵 với chữ “ngộ” 遇 (giảm lược một phần) biểu ý (nghĩa là “gặp gỡ”) thêm vào chữ “cập” 及 biểu âm, đã được mượn để ghi chữ *Ngập* (trong “nước **ngập**”): “*Đời Nghiêu nước cả **ngập** hay chưa?*” (Hồng, 37a).

(11) Chữ *Đủ* 𦵑 gồm chữ “đỏ” 覯 biểu âm + chữ “túc” 足 (nghĩa là ‘đủ’, không thiếu) biểu ý, đã được mượn sang dùng cho chữ *Đỏ* (“màu **đỏ**”): “*Má **đỏ** hồng hồng tóc vén mây*” (Hồng, 57a).

(12) Chữ *Đuôi* 𨔵 gồm chữ “vĩ” 尾 (nghĩa là “đuôi”) biểu ý + chữ “đôi” 堆 biểu âm, thì được mượn sang dùng cho chữ *Dui* (trong “**đui** mù”): “*Buôn buồn bán đại lũ thằng **đui***” (Vi, 12b).

(13) Chữ *Tên* 𨔵 gồm chữ “tiên” 先 biểu âm + chữ “danh” 名 (nghĩa là “tên gọi”) biểu ý, đã được mượn tạm để dùng cho chữ đồng âm *Tên* (trong “mũi **tên**”): “*Máy thu **tên** đá bời bời*” (Hoa, 45b).

(14) Chữ *Sau* 𨔵 gồm chữ “lâu” 娄 biểu âm + chữ “hậu” 后 (nghĩa là “phía sau”) biểu ý, thì được mượn dùng cho chữ *Sâu* (trái nghĩa với “cạn” “hời hợt”): “*Ước ao nguyên nặng thê **sâu***” (Hoa, 15a).

**1.2. Mượn chữ Nôm đã có với ký hiệu phụ.** Một khi đã gia thêm ký hiệu phụ, thì sẽ không có chuyện chữ Nôm đồng hình hay đồng âm tuyệt đối nữa. Ký hiệu phụ chẳng những làm cho hình chữ khác đi chút ít, mà còn là để chỉ báo rằng âm đọc cũng phải điều chỉnh ít nhiều. Có hai ký hiệu phụ thường được dùng vào vai trò này khi mượn chữ Hán là dấu “nháy” ( ˘ ) và bộ “khẩu” 𠂔 (khi ý nghĩa “miệng và hoạt động liên quan với miệng” của “khẩu” bị mờ nhạt). Tuy nhiên, với chữ Nôm thì hầu như không thực sự dùng đến ký hiệu “khẩu” 𠂔 mà chỉ mới tìm thấy những thí dụ với dấu “nháy” ˘ :

(1) Chữ *Coi* 𨔵 (“xem, nhìn”) được viết với bộ “thị” 𠂔 biểu ý + chữ “ngôi” 嵬 biểu âm, được gia thêm dấu “nháy” để dùng cho chữ *Côi* 𨔵 (trong “mò **côi**”): “*Làm ma Bắc quốc hai lần mò **côi***” (Ngũ, 123a).

(2) Chữ *Ba* 𨔵 gồm chữ “ba” 巴 biểu âm + chữ “tam” 三 biểu ý, đã gia thêm dấu “nháy” để đọc là *Bơ* 𨔵: “*Ba quân thất thế **bơ** vơ*” (Ngũ, 39a).

(3) Chữ *Dậy* 𨔵 (“đứng lên, nổi lên”) gồm bộ “túc” 足 (nghĩa là “chân”) biểu ý + chữ “duệ” 曳 biểu âm, được gia thêm dấu “nháy” để dùng cho chữ *Dậy* 𨔵 trong “gượng **dậy**” (không liên quan với “chân”): “*Vội vàng gượng **dậy** trình bày trước sau*” (Lục, 58).

(4) Chữ *Mười* 𨔵 gồm chữ “mại” 邁 biểu âm (viết lược bớt một phần) + chữ “thập” 十 biểu ý, vốn cũng có thể đọc là *Mười* (vì mười và mười gần nghĩa gần âm), nhưng trong thí dụ sau đây

người ta đã thêm dấu “nháy” vào để đọc âm *mười* 卅 cho chắc: “Chùng vài **mười** tuổi, dung nhang tâm thường” (Dương, 19), “*Can qua biết mấy **mười** lần đánh nhau*” (Dương, 21).

(5) Chữ *Dâng* 𠂔 (“đưa lên bề trên”) được viết với chữ “đăng” 登 biểu âm + chữ “thượng” 上 biểu ý, đã được gia thêm dấu “nháy” để chuyển dùng cho chữ *Dung* 𠂔 (trong “dùng dùng dung”): “*Thấy vậy nên dùng dùng **dung***” (Dương, 46).

## 2. Chữ Nôm có tạo tổ là chữ Nôm

Một chữ Nôm có sẵn, đôi khi đã được đem ghép với một bộ thủ hoặc một chữ Hán để tạo nên một chữ Nôm mới. Chữ Nôm mới này có thể là đồng âm hoặc gần âm, nhưng có nghĩa khác với nghĩa của chữ Nôm có trước.

**2.1. Ghép với một bộ thủ.** Khi ghép với một bộ thủ để tạo thành chữ Nôm mới theo phép hình thanh, chữ Nôm có trước luôn luôn là thành tố biểu âm. Thí dụ:

(1) Chữ *Lời* 𠂔 do chữ Trời (“thiên” 天 + “thượng” 上) ghép với bộ “khẩu” 口 đã được dùng khá rộng khắp các tác phẩm Nôm, như: “*Anh em chớ **lời** hơn thiệt*” (Hồng, 23a), “*Có **lời** an ủi, có phân đồ dành*” (Ngũ, 79b), “***Lời** sao mười hẹn chín thường đơn sai*” (Chinh, 11b), “*Một **lời** nói chữa kịp thưa*” (Kiều, 3a), “*Quản bao miệng thế **lời** chênh lệch*” (X.Hương, 13a), “*Nghe **lời** thiếp phải liệu **lời** kêu ca*” (Trinh, 12b), “***Lời** quê dẫu đã làm nghe*” (Hoa, 54a), “***Lời** nói chẳng mất tiền mua. Lựa **lời** mà nói cho vừa lòng nhau*” (Ca, 20a), v.v.

(2) Chữ *Lời* 𠂔 là dùng chữ *Lời* 𠂔 (chữ hội âm: “ma” 麻 viết tắt + “lệ” 例) đã có trước, thêm bộ “khẩu” 口 (cho rõ nghĩa) mà thành. Chữ này bắt gặp nhiều trong các văn bản thời Lê về trước: “*Này **lời** nhấn bảo khách bàng quan*” (N. Trãi, 61b), “*Xin được một **lời** nửa **lời***” (Cổ, 2b), “*Tâm hoa ứng miệng, nói năng mọi **lời***” (Thiên, 2b), “*Than ôi chung **lời** ước khế khoát vậy*” (Thi, 9a).

(3) Chữ *Mời* 𠂔 trong các câu “*Người tiên **mời** rượu ở đâu rày*” (Hồng, 20b), “***Mời** chủ thiên đức cao tăng vào châu*” (Thiên, 8a), “*Tiệc vui dù chẳng đợi **mời** cũng say*” (Nhị, 20b), “*Gió đưa trắng rước, hoa **mời** thuyết khuyên*” (Hoa, 53a), “*Cũng sai lệnh tiết đem tin rước **mời***” (Kiều, 49a), ... là do chữ Nôm *Mười* 卅 (“mại” 邁 viết tắt + “thập” 什) ghép với bộ “khẩu” 口 mà thành.

(4) Chữ *Non* 𠂔 trong các câu “*Kìa ai tiếng khóc nỉ **non***” (Hồng, 6b), “*Nỉ **non** van đá, âm thâm trách hoa*” (Hoa, 4a) là do chữ Nôm *Non* 𠂔 (“son” 山 + “nộn” 嫩) ghép với bộ “khẩu” 口 mà thành.

(5) Chữ *Gạn* 𠂔 trong câu “*Tránh ngang sinh lại theo sau **gạn** nài*” (Hoa, 20a) là do chữ Nôm *Cạn* 𠂔 (bộ “thủy” 水 + “kiện” 件) ghép với bộ “khẩu” 口 mà thành.

(6) Chữ *Chòm* 𠂔 trong câu “*Trời đất sinh ra đá một **chòm***” (X.Hương, 5b) là do chữ Nôm *Trùm* 𠂔 (“nhân” 人 + “thượng” 上) ghép với bộ “thổ” 土 mà thành.

(7) Chữ *Chòm* 𠂔 trong câu “*Oán hận trông ra khắp mọi **chòm***” (X.Hương, 1b) thì lại do chữ *Trùm* 𠂔 (“nhân” 人 + “thượng” 上) ghép với bộ “trúc” 竹 mà thành.

(8) Chữ *Cùn* 𠃉 trong câu “*Thứ nhất vợ đại trong nhà. Thứ nhì trâu chặm, thứ ba rựa cùn*” (Ca, 19b) rõ ràng là do chữ Nôm *Con* \*𠃉 (“tử” 子 + “côn” 昆) ghép thêm bộ “đao” 刀 mà thành.

(9) Chữ *Đứt* 𢇛 trong câu “*Khôn ngoan thôi cũng dứt đuôi rồi*” (N. Khuyển, 18a) là do chữ Nôm *Đất* 坦 (“thổ” 土 + “đát” 旦 viết tắt, chứ không phải do chữ Hán “thần” 坦) ghép với bộ “thủ” 手 mà thành.

(10) Chữ *Nói* 𠃉 trong câu “*Để cho con cháu nói dòng*” (Ngữ, 79b) và “*Quản chi trắng tóc, nữ nào nói dầy*” (Nhị, 36b) là do chữ Nôm *Núi* 𠃉 (“son” 山 + “nội” 内) ghép với bộ “mịch” 糸 mà thành.

(11) Chữ *Noi* 𠃉 trong câu “*Những là mền cảnh noi theo*” (Nhị, 31a) cũng là do chữ Nôm *Núi* 𠃉 (“son” 山 + “nội” 内) ghép với bộ “túc” 足 mà thành.

(12) Chữ *Nòng* 𠃉 trong câu “*Nòng nọc dứt đuôi từ đây nhé*” (X.Hương, 16b), là do chữ Nôm *Lòng* 𠃉 (“lộng” 弄 + “tâm” 心) ghép thêm với bộ “trùng” 虫 tạo nên.

(13) Chữ *Bò* 𠃉 trong câu “*Đi thời yếu bằng sên bò*” (Ngữ, 82b) là do chữ Nôm *Bò* 𠃉 (bộ “ngưu” 牛 + “phủ” 甫) ghép với bộ “túc” 足 mà thành.

(14) Chữ *Niêu* 𠃉 trong câu “*Xem bếp thầy thì thấy nấu một niêu*” (Ngữ, 86b) chính là do chữ Nôm *Nao/Nào* 𠃉 (viết tắt từ chữ Hán “náo” 鬧) ghép với bộ “thổ” 土 mà thành.

(15) Chữ *Bụi* 𠃉 trong câu “*Bụi Hồ một quét quyết thanh*” (Hoa, 38b), “*Tăm kinh bật bật bụi hồng láng láng*” và “*Xanh xanh dậm tía bụi hồng*” (Hoa, 52a) là do chữ Nôm *Bụi* \*𠃉 (bộ “thổ” 土 + “bội” 倍) ghép với bộ “thủy” 水 mà thành.

(16) Chữ *Trong* 𠃉 ở câu “*Thời ấy sông trong trắng lạt*” (Truyền, I, 42b), “*Chuông trên lầu đưa tiếng trong*” (Truyền, II, 27a) là do chữ Nôm *Trong* 𠃉 (“long” 龍 + “trung” 中) thêm bộ “thủy” 水 mà thành.

(17) Chữ *Trong* 𠃉 ở câu “*Tiết thanh thương nổi trên không, cảnh đều trong sáng*” (Truyền, IV, 42b), nghĩa cũng tương tự như trên, nhưng lại dùng chữ Nôm *Trong* khác 𠃉 (“long” 龍 + “nội” 内) ghép thêm bộ “thủy” 水 mà thành.

(18) Chữ *Ngón* 𠃉 trong những câu như “*Ngón này biết gảy lọt lòng ấy chẳng*” (Hoa, 7b), “*Ngón cầm dù lựa nên dây*” (Hoa, 29b) đều là dùng chữ Nôm *Ngón* 𠃉 (bộ “thảo” 艸 + “nguyên” 阮) ghép thêm bộ “thủ” 手 mà tạo thành.

Với hai trường hợp sau đây, việc ghép thêm bộ thủ “nhật” 日 vào chữ Nôm đã có để tạo ra chữ mới hầu như không nhằm biểu đạt một nghĩa gì mới cả, mà có lẽ chỉ là để “hiển thị” ý niệm “thời gian” trong câu:

(19) Chữ *Nay* 𠄎 vốn là do chữ Nôm *Nay* 𠄎 (“ni” 尼 + “kim” 今) gia thêm bộ “nhật” 日 mà thành, thấy trong câu “*Nay vậy, quái gỡ đều đây*” (Truyền, III, 35a).

(20) Chữ *Giờ* 𠄎 vốn là do chữ Nôm *Giờ* 𠄎 (bộ “nguyệt” 月 + “du” 余) gia thêm bộ “nhật” 日 mà thành, gặp trong câu “*Bây giờ bóng đã xế chiều*” (Thạch, 8b).

**2.2. Ghép với một chữ Hán.** Một chữ Nôm có sẵn đem ghép với một chữ Hán để cho ta một chữ Nôm mới là hiện tượng hiếm thấy. Tuy nhiên, mấy trường hợp sau đây cũng không thể không nhắc tới:

(1) Chữ *Rãnh* 𠄎 trong câu “*Muôn rãnh ngàn ngòi có nẻo thông*” (Truyền, III, 69b) là dùng chữ Nôm *Giếng* 𠄎 (bộ “thủy” 水 + “tĩnh” 井) ghép với chữ “lệnh” 令 (biểu âm) mà thành.

(2) Chữ *Giếng* 𠄎 trong câu “*Hai con trai cùng dắt nhau vào giếng mà thác*” (Truyền, II, 38b) lại cũng dùng chữ *Giếng* 𠄎 (bộ “thủy” 水 + “tĩnh” 井) ghép thêm với chữ “chính” 正, có lẽ chỉ là để tăng cường khả năng biểu âm của chữ này.

(3) Chữ *Máy* 𠄎 trong câu “*Bắc máy thành đằm nhận đã êm, lòng chẳng cứu ngòi yên sao tiệt*” (Hịch, 112a) đã không viết như chữ *Máy* 𠄎 thường dùng, mà ghép thêm một chữ “mãi” 買 nữa, chắc cũng là để tăng cường khả năng biểu âm cho chữ này.

(4) Chữ *Rày* 𠄎 trong câu “*Đến ngày rày mà được phú quý*” (Té, 22a) đã không viết như *Rày* 𠄎 thường dùng, mà thay bộ “nhật” bằng một chữ Nôm *Lời* 𠄎 để tạo thành một chữ hội âm (“lời” 𠄎 + “lệ” 例).

### Tiểu kết

Qua sự trình bày và phân tích một số những cứ liệu còn chưa thật đầy đủ như trên đây, bước đầu có thể đi đến một vài nhận xét chung như sau:

(a) Dựa trên cơ sở những chữ Nôm đã được tạo ra và đã quen sử dụng để mượn dùng hoặc tạo thêm chữ Nôm mới trong quá trình tạo lập văn bản Nôm là một hiện tượng đã xuất hiện từ khá sớm (như trên các văn bản thời Lê sơ, thế kỷ XV) và diễn ra khá liên tục về sau (cho đến đầu thế kỷ XX, như trên các văn bản Nôm thời Nguyễn). Điều này góp phần minh chứng cho tính kế thừa, tính linh hoạt và sáng tạo của cha ông chúng ta trong quá trình tạo chữ và dùng chữ cho tiếng Việt.

(b) Hiện tượng mượn dùng và tạo thêm chữ Nôm theo hướng khai thác “vốn sẵn có” như thế không phải là xảy ra phổ biến, và cũng không phải là thật ổn định. Có thể nhiều lúc chỉ là sự ứng phó tức thời khi chưa kịp nghĩ ra chữ thích hợp nên tạm mượn một chữ quen thuộc, rồi để nguyên hoặc gia giảm tái tạo lại mà dùng cho được việc. Tuy nhiên, cũng có nhiều trường hợp, đối với một số chữ cụ thể ta thấy xuất hiện khá ổn định và phổ biến trên nhiều văn bản và qua nhiều thời đại (như các chữ *Non, Năm, Vả, Lời, Mòi*, v.v.).

(c) Nhìn chung, những trường hợp gọi là “chữ Nôm giả tá chữ Nôm” chỉ có thể giữ vai trò biểu âm mà thôi. Với những chữ Nôm được tái tạo lại bằng cách ghép thêm với bộ thủ, thì chức năng biểu nghĩa lại có phần rõ rệt hơn. Còn một số trường hợp, tuy không nhiều, việc ghép thêm

một chữ Hán nữa vào chữ Nôm có trước để tạo ra mã chữ Nôm mới, thì dường như chủ yếu là để lưu ý thêm đến phần âm đọc của chúng (như các chữ ở mục 2.2.).

Như vậy, có thể nhận thấy rằng, chuyển dụng các mã chữ Nôm sẵn có là một trong những quy luật của việc tạo chữ và dùng chữ trong quá trình tạo lập các văn bản chữ Nôm.



### Tư liệu trích dẫn

- (1) N. Trãi *Quốc âm thi tập*. Nguyễn Trãi soạn. Trong “Ức Trai di tập. Quyển VII”, khắc in năm Tự Đức 21 (1868). Kho sách Viện Nghiên cứu Hán Nôm: Nv 5.
- (2) Hồng *Hồng Đức quốc âm thi tập*. Lê Thánh Tông và quần thần soạn. Bản chép tay. Kho sách Viện Nghiên cứu Hán Nôm: AB 192.
- (3) Ngọc *Trùng thuyên chỉ nam phẩm vịnh dã đàm tịnh bổ di đại toàn* (thường gọi là *Chỉ nam ngọc âm giải nghĩa*). Khắc in năm Cảnh Hưng Tân Tị (1761). Kho sách Viện Nghiên cứu Hán Nôm: AB 372.
- (4) Cỗ *Cỗ Châu Pháp Vân Phật bản hạnh ngữ lục*. Viên Thái diễn Nôm. Khắc in năm Cảnh Hưng 13 91752). Kho sách Viện Nghiên cứu Hán Nôm: A 184.
- (5) Truyền *Tân biên Truyền kỳ mạn lục* (tăng bổ giải âm tập chú). Gồm 4 quyển. Bản khắc in năm Cảnh Hưng 35 (1774). Kho sách Viện Văn học: HN 257 (QI & II) và HN 258 (Q II & IV).
- (6) Ngữ *Thiên Nam ngữ lục ngoại kỷ*. Bản chép tay. Kho sách Viện Nghiên cứu Hán Nôm: 478/1-2.
- (7) Thi *Thi kinh giải âm*. Khắc in năm Quang Trung 5 (1792). Kho sách Viện Nghiên cứu Hán Nôm: AB 144/1-5.
- (8) Hịch *Hịch đánh Trịnh*. Bản chép tay trong sách “Hoàng Lê nhất thống chí”. Kho sách Viện Nghiên cứu Hán Nôm: VHc 1811-14.
- (9) Tế *Văn tế chi*. Nguyễn Hữu Chỉnh soạn. Bản chép tay trong sách “Tế văn đối liên thi ca tạp sao”. Kho sách Viện Hán Nôm: VHv 1863.
- (10) Thiền *Thiền tông bản hạnh*. Hoà thượng Chân Nguyên soạn. Trong sách cùng tên. Khắc in năm Bảo Đại 7 (1932). Kho sách Viện Nghiên cứu Hán Nôm: AB 562.
- (11) P. Thái *Sơ kính tân trang*. Phạm Thái soạn năm 1804. Bản chép tay. Kho sách Viện Nghiên cứu Hán Nôm: A 1390.
- (12) Chinh *Chinh phụ ngâm khúc*. Khắc in năm Thành Thái Nhâm Dần (1902). Kho sách Viện Nghiên cứu Hán Nôm: VNb 31.
- (13) Trinh *Trinh thử truyện*. Khắc in năm Tự Đức Ất Hợi (1875). Kho sách Viện Nghiên cứu Hán Nôm: Nc 26.

- (14) Kiều *Kim Vân Kiều tân truyện*. Nguyễn Du soạn. Bản khắc in năm Tự Đức 19 (1866) [mới phát hiện năm 2004].
- (15) X. Hương *Xuân Hương thi tập*. Hồ Xuân Hương soạn. Khắc in năm Khải Định Tân Dậu (1921). Kho sách Viện Nghiên cứu Hán Nôm: VNb 21.
- (16) Nhị *Nhị độ mai diễm ca*. Khắc in năm Khải Định 5 (1920). Kho sách Viện Nghiên cứu Hán Nôm: VNb 37.
- (17) Hoa *Hoa tiên nhuận chính*. Nguyễn Huy Tư soạn. Khắc in năm Tự Đức Ất Hợi (1875). Kho sách Viện Nghiên cứu Hán Nôm: VHb 72.
- (18) Nhật *Nhật dụng thường đàm*. Phạm Đình Hổ soạn. Khắc in năm Thành Thái 18 (1906). Kho sách Viện Nghiên cứu Hán Nôm: AB 17.
- (19) Quốc *Quốc phong thi tập hợp thái*. Nguyễn Đăng Tuyển soạn. Khắc in năm Duy Tân Canh Tuất (1910). Kho sách Viện Nghiên cứu Hán Nôm: VNv 148.
- (20) Thạch *Thạch Sanh diễm hí bản*. Phạm Mỹ Thạch soạn. Khắc in năm Khải Định 4 (1919). Kho sách Viện Nghiên cứu Hán Nôm: AB 451.
- (21) Lục *Lục Vân Tiên truyện*. Nguyễn Đình Chiểu soạn. Văn bản in trong sách “Lục Vân Tiên”, Sài Gòn, 1973. Kho sách Viện Nghiên cứu Hán Nôm: Vv 304.
- (22) Dương *Dương Từ Hà Mậu*. Nguyễn Đình Chiểu soạn. Bản chép tay. Kho sách Viện Nghiên cứu Hán Nôm: Nc 85.
- (23) N. Khuyến *Tam Nguyên Yên Đỗ thi ca*. Khắc in năm Khải Định 10 (1925). Kho sách Viện Nghiên cứu Hán Nôm: VNv 46.
- (24) Vị *Vị thành giai cú tập biên*. Tập thơ chủ yếu do Trần Tế Xương soạn. Bản chép tay. Kho sách Viện Nghiên cứu Hán Nôm: AB 194.
- (25) Ca *Lý hạng ca dao*. Bản chép tay. Kho sách Viện Nghiên cứu Hán Nôm: VNv 303.

